

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Phạm Đức Viễn⁽¹⁾
Nguyễn Xuân Thuyết⁽²⁾

Tóm tắt:

Qua nghiên cứu và tìm hiểu các mô hình đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) tiêu biểu, được sử dụng rộng rãi trong nước và trên thế giới; qua phỏng vấn các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi lựa chọn được 3 tiêu chuẩn với 8 tiêu chí đánh giá thực trạng các yếu tố đảm bảo thực hiện CTĐT cử nhân. Trên cơ sở đó, tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện chương trình.

Từ khóa: Tiêu chuẩn, tiêu chí, thực trạng, yếu tố bảo đảm, ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc.

The current situation of factors ensuring the content implementation of the PE Bachelor's training program at Tay Bac University

Summary:

The topic has done research and evaluated typical training program evaluation models, which are widely used in the country and in the world. Moreover, the topic has also included interviews with experts and large-scale interviews with questionnaires (3 criteria with 8 criteria) in order to assess the current situation of factors ensuring the content implementation of the PE Bachelor's training program at Tay Bac University. On that basis, the topic has conducted a report assessing the current status of factors to ensure ensuring the content implementation of the PE Bachelor's training program at Tay Bac University

Keywords: Standards, criteria, current situation, assurance factors, content of PE Bachelor's training program, Tay Bac University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lý luận và thực tiễn quá trình đào tạo đã cho thấy, khi xem xét hiệu quả của chương trình phải được tiến hành trong điều kiện: Tổ chức quản lý đào tạo chặt chẽ, giáo viên có trình độ đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Qua nghiên cứu và tìm hiểu các mô hình đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) tiêu biểu, được sử dụng rộng rãi trong nước và trên thế giới, chúng tôi nhận thấy mỗi mô hình đánh giá chương trình đều có những thế mạnh riêng, và có những điểm khác biệt trong đánh giá phụ thuộc vào mục đích đánh giá. Tuy vậy, trong các mô hình đều có sự thống nhất về quan điểm chung là: Khi đánh giá hiệu quả CTĐT thì 3 yếu tố quan

trọng nhất là yếu tố đầu vào, quá trình (hoạt động) và yếu tố đầu ra là 3 yếu tố cần phải đánh giá và không được bỏ qua.

Các yếu tố bảo đảm để thực hiện mỗi chương trình đào tạo ở đây được hiểu là các điều kiện cần thiết để tiến hành các chương trình đào tạo, có ý nghĩa tiên quyết để thực hiện chương trình đào tạo có hiệu quả. Khi đánh giá hiệu quả CTĐT thông thường gồm có: Đánh giá nhóm các yếu tố đảm bảo việc thực hiện CTĐT; Đánh giá nhóm các yếu tố nội dung CTĐT; Đánh giá nhóm các yếu tố hiệu quả CTĐT. Như vậy, muốn đánh giá được nội dung và hiệu quả tác động của nội dung chương trình tới chất lượng đào tạo cần thiết phải đánh giá được thực trạng các yếu tố đảm bảo... Chỉ khi các yếu tố đảm

⁽¹⁾TS, Trường Đại học Tây Bắc

⁽²⁾ThS, Học viện An ninh nhân dân

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc

TT	Phân loại	Số lượng	Trình độ đào tạo			Thâm niên (Trung bình)
			Dưới ĐH	Đại học	Sau ĐH	
1	Tổng số giảng viên	30	0	1	29	9.76
2	Giảng viên cơ hữu	28	0	0	28	
3	Giảng viên thỉnh giảng	2	-	1	1	8.50

bảo đáp ứng được yêu cầu của quá trình đào tạo thì chất lượng đào tạo khi đó phụ thuộc chính vào nội dung CTĐT. Với cách tiếp cận này, việc đánh giá thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc là cần thiết và cấp thiết trong đánh giá chương trình đào tạo tại Trường Đại học Tây Bắc.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá các yếu tố bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất ở Trường Đại học Tây Bắc

Qua nghiên cứu các tài liệu chúng tôi thấy có các Thông tư của Bộ GD-ĐT hướng dẫn đánh giá về CTĐT đại học; qua phỏng vấn các chuyên gia và phỏng vấn trên kết quả diện rộng bằng phiếu hỏi lựa chọn được 3 tiêu chuẩn với 8 tiêu chí đánh giá thực trạng các yếu tố đảm bảo thực hiện CTĐT cử nhân Ngành GDTC ở Trường Đại học Tây Bắc. Cụ thể gồm:

+ TC1. Đội ngũ giảng viên

- Tc1.1. Giảng viên cơ hữu
- Tc1.2. Giảng viên thỉnh giảng

+ TC2. Cơ sở vật chất và tài chính phục vụ đào tạo

- Tc2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ
- Tc2.2. Sân bãi và dụng cụ tập luyện
- Tc2.3. Thư viện, giáo trình, sách và tài liệu tham khảo
- Tc2.4. Tài chính phục vụ đào tạo

+ TC3. Hình thái và trình độ thể lực đầu vào của sinh viên

- Tc3.1. Hình thái: Chiều cao (cm), Cân nặng (kg) và BMI (kg/m²)

- Tc3.2. Thể lực: Sử dụng 06 test theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT)

2. Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện nội dung Chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất ở Trường Đại học Tây Bắc

TC1. Thực trạng đội ngũ giảng viên

Kết quả khảo sát thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Tổng số cán bộ của khoa có 30 người, trong đó có 01 có trình độ đại học, còn lại 29 người đạt trình độ sau đại học (đến năm 2014 do điều động công tác khoa còn 28 giảng viên GDTC là giảng viên cơ hữu đều đạt chuẩn sau đại học), thâm niên công tác trung bình của giảng viên trong khoa là 9,76 năm. Về cơ bản số giảng viên của khoa đáp ứng chuẩn để giảng dạy trình độ đại học. Số giờ chuẩn qui định trong năm học được đảm bảo, không có sự chênh lệch thừa giờ lớn so với tổng số giờ. Đây là đội ngũ giáo viên chỉ phục vụ giảng dạy kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành. Riêng các môn học thuộc nhóm kiến thức chung sẽ sử dụng lực lượng giáo viên thuộc Khoa Lý luận chính trị; Khoa Ngoại ngữ; Bộ môn Tâm lý, Giáo dục; Khoa Toán - Lý - Tin và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh sinh viên.

TC2. Cơ sở vật chất và tài chính phục vụ đào tạo

Tc2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ

Thống kê thực trạng phòng học, giảng đường và các trang thiết bị hỗ trợ đào tạo được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng phòng học, giảng đường và các trang thiết bị hỗ trợ đào tạo tại Trường Đại học Tây Bắc

TT	Sân bãi dụng cụ	Số lượng	Chất lượng	Mức độ đáp ứng
1	Phòng học	80	Tốt	Tốt
2	Hệ thống âm thanh, máy chiếu	25	Tốt	Khá
3	Phòng thí nghiệm	2	Tốt	Khá
4	Phòng thực hành	3	Tốt	Tốt
5	Thư viện	1	Tốt	Khá
6	Hội trường 200 - 250 chỗ	4	Tốt	Khá
7	Hội trường lớn 700 chỗ	1	Tốt	Tốt

Bảng 3. Thống kê sân bãi tập luyện phục vụ quá trình đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc

TT	Sân bãi dụng cụ	Số lượng	Chất lượng	Mức độ đáp ứng
1	Sân Điền kinh	1	Trung bình	Khá
2	Sân Bóng đá cỏ nhân tạo	1	Tốt	Tốt
3	Nhà tập Võ	1	Tốt	Tốt
4	Sân Bóng ném	1	Tốt	Khá
5	Sân Bóng chuyền	3	Tốt	Khá
6	Sân Bóng rổ	1	Tốt	Trung bình
7	Sân Quần vợt	3	Trung bình	Khá

(Nguồn cung cấp số liệu, Phòng quản trị Trường ĐH Tây Bắc, năm 2015).

Qua bảng 2 cho thấy: Các trang thiết bị như hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm đều đảm bảo tốt về chất lượng phục vụ cho công tác giảng dạy sinh viên Nhà trường nói chung và sinh viên ngành GDTC nói riêng. Với 80 phòng học và hội trường lớn có đủ phương tiện tổ chức các lớp học với số lượng sinh viên đông, đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận chuyên môn sâu hơn nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức và khả năng ứng dụng.

Tc2.2. Sân bãi và dụng cụ tập luyện

Thống kê thực trạng sân bãi, dụng cụ tập luyện phục vụ đào tạo cử nhân Ngành GDTC ở Trường Đại học Tây Bắc được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3 cho thấy hệ thống sân tập của Nhà trường bước đầu phục vụ tốt cho điều kiện giảng dạy sinh viên ngành GDTC, có sân Điền kinh đủ diện tích, có sân Bóng đá cỏ nhân tạo, các sân khác mặt đều được rải bê tông. Đặc biệt nhà

tập võ có thảm đủ tiêu chuẩn thi đấu. Mức độ đáp ứng phục vụ trong đào tạo đảm bảo ở mức từ trung bình đến tốt.

Để minh chứng cho hệ thống CSVC phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường, chép từ LA chúng tôi tiến hành lấy ý kiến đánh giá của người học thông qua phỏng vấn gián tiếp về chất lượng CSVC trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, bằng thang đo Likert 5 mức. Dựa trên giá trị khoảng cách là 0,8 giá trị trung bình, các tiêu chí được đánh giá thống nhất theo các mức: từ 1,00 - 1,80 - Yếu; từ 1,81 - 2,60 - Trung bình; từ 2,61 - 3,40 - Khá; từ 3,41 - 4,20 - Tốt; từ 4,21 - 5,00 - Rất tốt. Kết quả đánh giá cho thấy, chất lượng trang thiết bị cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập đều đạt loại tốt và rất tốt trong việc phục vụ cho công tác học tập và NCKH.

Tc2.3. Thư viện, giáo trình, sách và tài liệu tham khảo

Thư viện của Nhà trường có 2 tầng với 04 phòng chức năng và trên 8.200 đầu sách, trong đó 2000 tài liệu điện tử, trên 300 sách ngoại văn;

gần 100 đầu báo, tạp chí tiếng Việt và Tiếng nước ngoài và sách phục vụ giảng dạy chuyên môn các ngành.

Phòng đọc, phòng học, sinh hoạt khoa học, phòng làm việc, phòng bảo vệ đề tài khoa học: Phòng đọc của thư viện với diện tích trên 300m², 01 phòng hội thảo và bảo vệ đề tài khoa học chất lượng cao, diện tích khoảng 70m² được trang bị bàn ghế tiêu chuẩn gồm hệ thống bàn quay khép kín và hai dãy bàn kê hai bên, với trên 50 ghế ngồi, 10 phòng học có thiết bị trình chiếu và công nghệ video phục vụ cho các NCS sinh hoạt khoa học và học tập. Hệ thống máy tính: Có trên 200 máy tính, trong đó 120 máy phục vụ đào tạo, 26 máy phục vụ nghiên cứu khoa học và trên 50 máy phục vụ cho công tác quản lý.

Văn phòng của khoa GDTC gồm 01 phòng sinh hoạt chung với tổng diện tích trên 60m², 04 phòng nhỏ với diện tích khoảng 25 m². 03 Khu giảng đường (03 nhà 5 tầng, 12 nhà 04 tầng).

Đối với các tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc cũng đảm bảo ở mức độ tốt. Cụ thể:

Trong số 66 môn học trong chương trình đào tạo có 435 tài liệu, trong đó có 60 giáo trình, 233 tài liệu tham khảo, 17 tài liệu hướng dẫn, 125 tài liệu xám. Trung bình mỗi môn học có xấp xỉ 7 tài liệu phục vụ giảng dạy. Các tài liệu đáp ứng tương đối tốt nhu cầu giảng dạy, học tập. Tuy nhiên vẫn còn có 6 môn học trong

chương trình chưa có giáo trình giảng dạy theo quy định. Đây cũng là vấn đề cần chú ý trong giai đoạn tới.

Hệ thống các giảng đường, phòng học, phòng nghiên cứu trong trường đều được sử dụng cho công tác đào tạo cử nhân ngành GDTC. Chính vì vậy, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đáp ứng tốt nhu cầu.

Như vậy, có thể thấy tiêu chí đánh giá về Thư viện, giáo trình, sách và tài liệu tham khảo đảm bảo cho công tác giảng dạy và học tập cho đối tượng cử nhân ngành GDTC.

Tc2.4. Tài chính phục vụ đào tạo

Thống kê thực trạng công tác tài chính của Trường Đại học Tây Bắc năm học 2015 được tiến hành trên cơ sở phân tích tài liệu lưu trữ.

Kết quả thống kê thực trạng công tác tài chính cho thấy: Việc đầu tư cho công tác đào tạo cử nhân ngành GDTC khoảng 200 triệu/ 1 năm là trực tiếp, còn theo qui định chung của Trường khoảng 300 - 400 triệu/ 1 năm.

Như vậy, qua nghiên cứu cho thấy cơ sở vật chất và tài chính phục vụ đào tạo cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc là tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên và SV nhà trường. Đồng thời, nhà trường vẫn đang chú trọng tăng cường đầu tư theo hướng người học là trung tâm.

TC3. Hình thái và trình độ thể lực đầu vào của sinh viên

Bảng 4. Thực trạng hình thái và thể lực đầu vào của sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc (n=66)

TT	Nội dung kiểm tra	nam (n=60) ($\bar{x} \pm \delta$)	Nữ (n=6) ($\bar{x} \pm \delta$)
1	Chiều cao (cm)	165.9 $\pm$ 1.6	155.8 $\pm$ 1.3
2	Cân nặng (kg)	54.8 $\pm$ 1.9	44.4 $\pm$ 1.8
3	Chỉ số BMI (kg/m ²)	19.8 $\pm$ 0.83	18.3 $\pm$ 0.54
4	Lực bóp tay thuận (kG)	39.7 $\pm$ 3.1	28.3 $\pm$ 2.1
5	Bật xa tại chỗ (cm)	221.5 $\pm$ 13.4	153.5 $\pm$ 11.4
6	Chạy 30m XFC (s)	5.19 $\pm$ 0.28	6.24 $\pm$ 0.63
7	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	17.3 $\pm$ 2.9	13.8 $\pm$ 1.5
8	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.94 $\pm$ 0.56	12.57 $\pm$ 0.67
9	Chạy tùy sức 5 phút (m)	974.1 $\pm$ 143	861 $\pm$ 46

Khảo sát thực trạng hình thái và thể lực của 66 SV ngành GDTC khóa 55 thời điểm tháng 10/2014 (hình thái và thể lực đầu vào). Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Các chỉ số hình thái cơ thể và thể lực của SV đầu vào ngành GDTC Trường Đại học Tây Bắc ở mức tốt so với người Việt Nam cùng lứa tuổi, giới tính khi so sánh với kết quả nghiên cứu Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi của tác giả Dương Nghiệp Chí và cộng sự thời điểm năm 2001 và so sánh với kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ của tác giả Trần Đức Dũng và cộng sự thời điểm năm 2015. Nguyên nhân chính ở đây do ở thời điểm tuyển sinh đầu vào, Trường đã chú trọng tuyển sinh năng khiếu, nghĩa là chọn các SV có sức khỏe ở mức đảm bảo điều kiện tối thiểu của chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC tại Trường. Một số chỉ tiêu đánh giá hình thái có mức thấp hơn so với thể hình của đối tượng cùng lứa tuổi trong nghiên cứu diễn biến phát triển thể chất của học sinh các tỉnh Miền Bắc. Tổng thể, có nhiều chỉ tiêu về thể lực tốt hơn như chạy tùy sức 5 phút, bật xa tại chỗ... do đặc thù của môi trường sống và điều kiện tự nhiên, xã hội đã tạo nên sự thích ứng về năng lực thể chất của người vùng núi Tây Bắc.

Để đánh giá chi tiết hơn trình độ thể lực của SV, chúng tôi tiến hành phân loại trình độ thể lực của SV theo quy định của Bộ GD và ĐT. Quá trình phân loại sử dụng 04 test: Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m XFC (s), Nằm ngửa gập bụng (lần/30s) và Chạy tùy sức 5 phút (m). Kết quả phân loại được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Thực trạng kết quả phân loại trình độ thể lực đầu vào của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Bắc (n=66)

Phân loại	Nam sinh viên (n=60)		Nữ sinh viên (n=6)	
	m _i	%	m _i	%
Tốt	22	36.67	2	33.33
Đạt	38	63.33	4	66.67
Không đạt	0	0	0	0

Qua bảng 5 cho thấy: Khi xếp loại thể lực hầu hết SV đều đạt và đạt tốt, không có SV nào

không đạt. Cụ thể: Đối với nam đạt mức tốt là 22 SV chiếm tỷ lệ 36.67%, mức đạt là 38 SV chiếm tỷ lệ 63.33%; đối với nữ đạt mức tốt là 2 sinh viên chiếm tỷ lệ 33.33%, mức đạt là 4 sinh viên chiếm tỷ lệ 66.67%.

Như vậy, đặc điểm hình thái và thể lực đầu vào của SV Ngành GDTC Trường Đại học Tây Bắc là đảm bảo để có thể đáp ứng tốt chương trình học tập.

Tóm lại, kết quả đánh giá thực trạng những điều kiện đảm bảo cho quá trình giảng dạy và học tập của cử nhân ngành GDTC tại Trường Đại học Tây Bắc cho thấy tất cả các điều kiện đảm bảo tốt cho việc thực hiện chương trình. Như vậy, theo cách tiếp cận trong đánh giá CTĐT mà luận án đã nêu có thể xem chất lượng đào tạo hiện có chủ yếu chịu sự chi phối, tác động của nội dung CTĐT mang lại.

KẾT LUẬN

Đánh giá nhóm các yếu tố đảm bảo việc thực hiện CTĐT cho thấy: Đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được yêu cầu về trình độ, về mức độ đồng đều trong công tác, thâm niên trung bình là 9,76 năm. Số giảng viên của khoa, đáp ứng được số giờ chuẩn giảng dạy trong năm. Đội ngũ giáo viên đảm bảo giảng dạy tốt các môn cơ bản chung của ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, sân bãi tập luyện đều đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy cho sinh viên ngành GDTC Trường Đại học Tây Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*.
2. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT*.
4. <http://www.vnua.edu.vn/phongban/dbcl/index.php/vi/2013-01-18-18-26-32/b-tieu-chu-n-aun>, Bộ tiêu chuẩn AUN.

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Chủ tịch Hồ Chí Minh với những sự kiện lịch sử quan trọng của Ngày thể thao Việt Nam

BÀI BÁO KHOA HỌC

7. Nguyễn Thị Hồng Liên

Đánh giá hiệu quả tác động của chính sách phát triển thể dục thể thao cho mọi người đến kinh tế và xã hội

12. Đặng Văn Dũng

Thực trạng phân biệt đối xử với người khuyết tật trong tập luyện thể dục thể thao ở các Trung tâm văn hóa đô thị

15. Vũ Quỳnh Như; Trần Ngọc Dũng; Chu Vương Thìn

Thực trạng và định hướng đào tạo cử nhân thể dục thể thao chuyên ngành Điện kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đáp ứng nhu cầu xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn 2030

21. Đặng Hoài An; Nguyễn Như Quỳnh

Thực trạng công tác quản lý học tập của vận động viên tại Trung tâm Đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

26. Nguyễn Văn Phúc; Phan Hoàng Lan

Thực trạng hiệu quả quảng bá, tư vấn tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

31. Đinh Khánh Thu; Vũ Bá Mỹ; Lưu Thị Như Quỳnh

Giải pháp xây dựng môi trường văn hóa tại Trung tâm Đào tạo vận động viên, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

36. Phạm Đức Viễn; Nguyễn Xuân Thuyết

Thực trạng các yếu tố bảo đảm thực hiện chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

41. Nguyễn Văn Long

Giải pháp tập luyện ngoại khóa các môn học thực hành Điện kinh cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

44. Ngô Mạnh Cường

Thực trạng hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

49. Lê Đức Long

Xây dựng chương trình dạy bơi ban đầu, phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

54. Nguyễn Mạnh Toàn

Thực trạng dạy học môn học Quần vợt đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

60. Phùng Xuân Dũng; Hà Hoài Phong

Ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường Trung học phổ thông Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

64. Lương Thị Ánh Ngọc; Lê Ngọc Nguyên

Thực trạng thể lực chuyên môn của nam vận động viên Muay cầu lạc bộ Tây Thạnh

68. Nguyễn Ngọc Ánh

Thực trạng kỹ thuật đập bóng lao ngắn của Đội tuyển Bóng chuyền nam Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

71. Lê Thị Tuyết Thương

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam thăm và kiểm tra công tác chuẩn bị SEA Games 31 tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

74. Trần Văn Khôi

Kế hoạch hướng dẫn toàn dân tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc, thể lực, phòng, chống bệnh tật giai đoạn 2021-2025

77. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu

Bài tập tạ tay tại nhà

80. Thể lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

President Ho Chi Minh and important historical events of Vietnam Sports Day

ARTICLES

34. Nguyen Thi Hong Lien

Evaluating the effectiveness of sports for human development policies on the economy and society

12. Dang Van Dung

Discrimination against people with disabilities (PWDs) at sports centers in urban cultural centers

15. Vu Quynh Nhu; Tran Ngoc Dung; Chu Vuong Thin

Current status and educational orientation of Sports Bachelor in Athletics at Bac Ninh Sports University social in order to satisfy society's demand by 2025 with a vision to 2030

21. Dang Hoai An; Nguyen Nhu Quynh

Actual situation of athletes' learning management at the Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University

26. Nguyen Van Phuc; Phan Hoang Lan

Actual effectiveness in advertising, promoting and consulting works for regular college admissions of Bac Ninh Sports University

31. Đinh Khanh Thu; Vu Ba My; Luu Thi Nhu Quynh

Solutions to create a cultural environment at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

36. Pham Duc Vien; Nguyen Xuan Thuyet

The current situation of factors ensuring the content implementation of the PE Bachelor's training program at Tay Bac University

41. Nguyen Van Long

Choosing solutions to practice Athletics extracurricular activities for students at Danang Sports University

44. Ngo Manh Cuong

Actual situation of student's extracurricular sports activities at Information and Communication Technology University - Thai Nguyen University

49. Le Duc Long

Developing an initial swimming teaching program in order to prevent drown accident for primary students in Bac Ninh province

54. Nguyen Manh Toan

Evaluate the current situation of tennis teaching methodology for students at Hanoi University of Physical Education and Sports

60. Phung Xuan Dung; Ha Hoai Phong

Research on some physical games to develop general fitness for grade-10 students at Loc Thanh High School, Bao Lam District, Lam Dong Province

64. Luong Thi Anh Ngoc; Le Ngoc Nguyen

Current status of professional fitness of male Muay athletes of Tay Thanh club

68. Nguyen Ngoc Anh

Actual situation of short-distance ball-hitting technique of Men Volleyball Team at the Bac Ninh Sports University

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

71. Le Thi Tuyet Thuong

Deputy Prime Minister Vu Duc Dam visited and examined the preparation progress for the 31st SEA Games at Bac Ninh Sports University

74. Tran Van Khoi

The plan to instruct residents to practice sports and improve health, develop stature, physical strength, prevent and fight diseases in the 2021-2025 period

77. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu

Arm dumbbell exercises at home

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 2-2022
(69)

